

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ các bể mạ kẽm, bể cromat hoá,... của xưởng mạ (KT1).

- Nguồn số 02: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn tạo hạt và ép thành hình,... của xưởng sản xuất đế giày (KT2).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý khí thải	Ký hiệu	Lưu lượng (m ³ /h)
1	Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ xưởng mạ	KT1	5.000
2	Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất đế giày	KT2	5.000

2.2. Phương thức xả khí thải

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.3. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 01: X(m) = 2259029; Y(m) = 567671.

- Nguồn số 02: X(m) = 2259058; Y(m) = 567673.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3^o)

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (Đối với KT1 áp dụng hệ số áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 0,8$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ, cụ thể như sau:

a) Đối với khí thải phát sinh từ xưởng mạ (KT1)

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT ($K_p = 1$; $K_v = 0,8$)	
			C	C_{max}
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-

2	HCl	mg/Nm ³	50	40
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	50	40

b) Đối với khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất đế giày (KT2)

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Benzen	mg/Nm ³	05
3	Toluen	mg/Nm ³	750

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Nguồn số 01 và nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ xưởng mạ và khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất đế giày được thu gom bằng chụp hút/máng hút, quạt hút và đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Đối với hệ thống xử lý thải xưởng mạ

- Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Khí thải → Máng hút → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống phóng không cao 12 m so với mặt đất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 100 kg/năm; than hoạt tính 50 kg/năm.

1.2.2. Đối với hệ thống xử lý khí thải xưởng sản xuất đế giày

- Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp thụ → Ống phóng không cao 12 m so với mặt đất.

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 1.500 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Chủ dự án bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách môi trường của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa, sau khi sửa xong hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định mới tiếp tục sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa không quá 06 tháng (dự kiến từ 01/6/2024 đến 31/12/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ xưởng mạ.
- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ xưởng sản xuất đế giày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.4 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Trong giai đoạn hoạt động ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại 02 lỗ kỹ thuật trên thân 02 ống phông không của 02 hệ thống xử lý khí thải xưởng mạ và xưởng sản xuất đế giày (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4 phần A phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải, thực hiện các biện pháp khắc phục và kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh để xử lý./.